



[Trang chủ](#)

- [PHP](#)
- [Liên hệ](#)

- [HTML](#)
- [CSS](#)
- [JavaScript](#)
- [PHP](#)
- [Server](#)
- [Java](#)
- [Tri thức](#)
- [SQL](#)
- [Lập trình C# Cơ bản](#)
- [Liên hệ](#)

[C# cơ bản .NET Core](#)

[Phần 1 - Nhập môn C#](#)

[§ 1 Cài đặt, chương trình C# đầu tiên](#) [§ 2 Lưu ý khi sử dụng ví dụ với .NET 6](#) [§ 3 Biến, kiểu dữ liệu và nhập/xuất](#) [§ 4 Toán tử số học và gán](#) [§ 5 So sánh, logic và lệnh if, switch](#) [§ 6 Vòng lặp for, while](#) [§ 7 Cấu trúc mảng, dữ liệu mảng](#) [§ 8 Phương thức - Method](#) [§ 9 Chuyển số thành chữ](#) [§ 10 Lớp - Class](#) [§ 11 Phương thức khởi tạo](#) [§ 12 Kiểu giá trị, tham chiếu](#) [§ 13 Chuỗi ký tự](#) [§ 14 Struct và Enum](#) [§ 15 Tính kế thừa](#) [§ 16 Namespace](#) [§ 17 Partial, Nested](#) [§ 18 Generic](#) [§ 19 Kiểu vô danh và dynamic](#) [§ 20 null và nullable](#) [§ 21 Tính đa hình - abstract - interface](#)

[Phần 2 - C# nâng cao](#)

[§ 22 Phương thức - Delegate](#) [§ 23 Biểu thức lambda](#) [§ 24 Event](#) [§ 25 Phương thức mở rộng](#) [§ 26 Hàm hủy - Quá tải toán tử - thành viên tĩnh - indexer](#) [§ 27 Ngoại lệ Exeption](#) [§ 28 IDisposable - using](#) [§ 29 File cơ bản](#) [§ 30 FileStream](#) [§ 31 Collection - List](#) [§ 32 SortedList](#) [§ 33 Queue / Stack](#) [§ 34 Linkedlist](#) [§ 35 Dictionary - HashSet](#) [§ 36 ObservableCollection](#) [§ 37 LINQ](#) [§ 38 \(Multithreading\) async - bất đồng bộ](#) [§ 39 Type](#) [§ 40 Attribute Annotation](#) [§ 41 DI Dependency Injection](#) [§ 42 \(Multithreading\) Parallel](#) [§ 43 Thư viện lớp](#)

[Phần 3 - Networking](#)

[§ 44 \(Networking\) Uri, Dns, Ping](#) [§ 45 \(Networking\) HttpClient](#) [§ 46 \(Networking\) HttpMessageHandler](#) [§ 47 \(Networking\) HttpListener](#) [§ 48 \(Networking\) Tcp TcpListener/TcpClient](#)

[Phần 4 - Database - CSDL](#)

[§ 49 \(ADO.NET\) SqlConnection](#) [§ 50 \(ADO.NET\) SqlCommand](#) [§ 51 \(ADO.NET\) DataAdapter](#) [§ 52 \(EF Core\) Tổng quan](#) [§ 53 \(EF Core\) Tạo Model](#) [§ 54 \(EF Core\) Fluent API](#) [§ 55 \(EF Core\) Query](#) [§ 56 \(EF Core\) Scaffold](#) [§ 57 \(EF Core\) Migration](#)

[Phần 5 - ASP.NET CORE](#)

[§ 58 \(ASP.NET CORE\) Hello World!](#) [§ 59 \(ASP.NET CORE\) Middleware](#) [§ 60 \(ASP.NET CORE\) Map - Request - Response](#) [§ 61 \(ASP.NET CORE\) IServiceCollection - MapWhen](#) [§ 62 \(ASP.NET CORE\) Session - ISession](#) [§ 63 \(ASP.NET CORE\) Configuration](#) [§ 64 \(ASP.NET CORE\) Gửi Mail](#) [§ 65 \(ASP.NET CORE\) SASS/SCSS](#) [§ 66 \(ASP.NET CORE\) LibMan](#)

[Phần 6 - ASP.NET RAZOR](#)

[§ 67 \(ASP.NET RAZOR\) Khởi tạo và Route](#) [§ 68 \(ASP.NET RAZOR\) Cú pháp Razor](#) [§ 69 \(ASP.NET RAZOR\) Layout trong ASP.NET Core](#) [§ 70 \(ASP.NET RAZOR\) Partial](#) [§ 71 \(ASP.NET RAZOR\) ViewComponent](#) [§ 72 \(ASP.NET RAZOR\) TagHelper](#) [§ 73 \(ASP.NET RAZOR\) HtmlHelper](#) [§ 74 \(ASP.NET RAZOR\) PageModel](#) [§ 75 \(ASP.NET RAZOR\) Model Binding](#) [§ 76 \(ASP.NET RAZOR\) HTML Form, Validation](#) [§ 77 \(ASP.NET RAZOR\) Upload File](#) [§ 78 \(ASP.NET RAZOR\) Entity Framework](#) [§ 79 \(ASP.NET RAZOR\) Paging](#) [§ 80 \(ASP.NET RAZOR\) Identity \(1\) - Register, Login, Logout](#) [§ 81 \(ASP.NET RAZOR\) Identity \(2\) Lockout, Reset Password](#) [§ 82 \(ASP.NET RAZOR\) Identity \(3\) Google Login](#) [§ 83 \(ASP.NET RAZOR\) Identity \(4\) Facebook Login](#) [§ 84 \(ASP.NET RAZOR\) Identity \(5\) profile, password, email ...](#) [§ 85 \(ASP.NET RAZOR\) Identity \(6\) Role](#) [§ 86 \(ASP.NET RAZOR\) Identity \(7\) Role-based Authorization](#) [§ 87 \(ASP.NET RAZOR\) Identity \(8\) RoleClaim](#) [§ 88 \(ASP.NET RAZOR\) Identity \(9\) Authorization Handler](#) [§ 89 \(ASP.NET RAZOR\) IAuthorizationService](#)

[Phần 7 - ASP.NET MVC](#)

[§ 90 \(ASP.NET MVC\) Controller - View](#) [§ 91 \(ASP.NET MVC\) Route](#) [§ 92 \(ASP.NET MVC\) EF, Identity](#) [§ 93 \(ASP.NET MVC\) Binding, Validation](#) [§ 94 \(ASP.NET MVC\) Xây dựng Website\(1\)](#) [§ 95 \(ASP.NET MVC\) Xây dựng Website\(2\)](#) [§ 96 \(ASP.NET MVC\) Xây dựng Website\(3\)](#) [§ 97 \(ASP.NET MVC\) Xây dựng Website\(4\)](#) [§ 98 \(ASP.NET MVC\) Giỏ hàng - Cart \(5\)](#) [§ 99 \(ASP.NET MVC\) elFinder \(5\)](#) [§ 100 \(ASP.NET MVC\) SB Admin \(6\)](#) [§ 101 \(ASP.NET MVC\) Kestrel, publish](#)

- [Lập trình PHP](#)
 - [PSR](#)
 - [Laminas](#)
 - [SPL](#)
 - [Xenforo](#)
 - [Zend Framework](#)
- [Lập trình ứng dụng iOS - Swift](#)
- [Ruby](#)
 - [Sketchup](#)
- [Lập trình Dart - Flutter](#)
- [Lập trình C# \(C Sharp\)](#)
 - [Lập trình C# Cơ bản](#)
- [Server](#)
 - [MySQL Server](#)
 - [Windows](#)
 - [Apache](#)
 - [PHP](#)
- [HTML](#)
- [Javascript](#)
 - [jQuery](#)
 - [TypeScript - Angular](#)
- [CSS](#)
 - [Sử dụng SASS / SCSS](#)
 - [Bootstrap - CSS Framework](#)
- [SQL](#)
 - [SQL Server \(.NET Framework - C#\)](#)
 - [MS Access](#)

- [Java](#)
 - [Android Java](#)
- [Thuật ngữ - Các vấn đề cơ bản](#)
- [Tools](#)
 - [Git và GitHub](#)
 - [Kubernetes](#)
 - [Mathematica](#)
 - [SSH - Secure Shell](#)
 - [Grunt](#)
 - [Elasticsearch](#)
 - [Docker](#)
 - [macOS](#)
 - [English Study](#)
- [Tin tức công nghệ](#)
- [Tri thức & Khoa học](#)
 - [Yoga](#)
- [Lập trình C# \(C Sharp\)](#)
- [Lập trình C# Cơ bản](#)

[\(ASP.NET CORE\) Gửi Mail](#) (Bài trước)
(Bài tiếp) [\(ASP.NET CORE\) LibMan](#)

(ASP.NET Core) Sử dụng gulp.js build SCSS (SASS) thành CSS

Cài đặt và cấu hình gulp trong dự án ASP.NET Core để tự động build mã nguồn SASS (SCSS) thành CSS

- [gulp.js trong ASP.NET Core](#)
- [gulpfile.js - build SCSS](#)
- [gulpfile.js - site.scss -> css](#)

gulp.js trong Asp.net Core

gulp.js là một Task runner, giúp thi hành các tác vụ, để sử dụng gulp.js cần đảm bảo hệ thống có cài node.js rồi (nếu chưa có cần tải về và cài đặt theo hướng dẫn [download nodejs](#)), hoặc cài đặt nhanh bằng package manager tùy thuộc hệ thống [package-manager](#)

Phần này sẽ sử dụng gulp trong ASP.NET với các tác vụ để biên dịch file SASS (.SCSS) thành .CSS

Đầu tiên cần tạo ra ở thư mục gốc của dự án file package.json nếu chưa có

package.json

```
{  
}
```

Thực hiện cài đặt các package sau:

```
npm install --global gulp-cli
```

```
npm install gulp  
npm install node-sass postcss sass
```

```
npm install gulp-sass gulp-less gulp-concat gulp-cssmin gulp-uglify rimraf gulp-postcss gulp-rename
```

Vấn tắt ý nghĩa của các gói trên

- gulp Task Runner
- node-sass biên dịch sass (.scss)
- rimraf sử dụng để thi hành tác vụ xóa file
- gulp-concat nối các file thành 1
- gulp-cssmin tối ưu cơ file .CSS (xóa bỏ các thành phần thừa)
- gulp-uglify tối ưu cơ file .JS (không dùng phần này)
- gulp-postcss

gulpfile.js tác vụ build SCSS

Tạo ra ở thư mục gốc dự án file gulpfile.js biên tập nội dung như sau:

```
var gulp = require('gulp');
var sass = require('gulp-sass');
var cssmin = require("gulp-cssmin");
var postcss = require('gulp-postcss');
var autoprefixer = require('autoprefixer');
var concat = require("gulp-concat");

var paths = {
  scss : "./wwwroot/scss/**/*.scss",
  css  : "./wwwroot/css/",
  minCss : "./wwwroot/css/min/",
  concatCssDest : "./wwwroot/css/site.min.css",

  // js : "./wwwroot/js/**/*.js",
  // minJs : "./wwwroot/js/**/*.min.js",
  // concatJsDest : "./wwwroot/js/site.min.js",
  // concatCssDest : "./wwwroot/css/site.min.css",
};

gulp.task('sass', function(cb) {
  gulp
    .src(paths.scss)
    .pipe(sass())
    .pipe(gulp.dest(paths.css))
    .pipe(cssmin())
    .pipe(gulp.dest(paths.minCss));
  cb();
});

gulp.task(
  'default',
  gulp.series('sass', function(cb) {
    gulp.watch(paths.scss, gulp.series('sass'));
    cb();
  })
);
```

Với định nghĩa như trên, bạn tạo ra hai loại tác vụ có tên là sass và default

Để thi hành tác vụ sass chỉ cần gõ lệnh:

```
gulp sass
```

Tác vụ này thực hiện build các file SCSS ở đường dẫn `wwwroot/scss/**/*.scss` thành `css` lưu kết quả tại `wwwroot/css/`, sau đó tối ưu hóa lưu tại `wwwroot/css/min/`

Còn tác vụ mặc định default chỉ cần gõ `gulp` là hoạt động, tác vụ này giám sát thay đổi file `scss`, nếu có thay đổi thì chạy ngay tác vụ `sass`

Như vậy từ đây, chỉ cần biên tập mã nguồn SCSS - lập tức có kết quả CSS trong dự án

gulp.js site.scss -> site.css

Đây là ví dụ gulp biên dịch `scss` từ file `assets/scss/site.scss` thành `CSS` lưu tại `wwwroot/css/site.css`, nếu muốn có hậu tố min thì bỏ comment suffix

```
var gulp = require('gulp'),
    cssmin = require("gulp-cssmin"),
    rename = require("gulp-rename");
const sass = require('gulp-sass')(require('sass'));

gulp.task('default', function () {
  return gulp.src('assets/scss/site.scss')
    .pipe(sass().on('error', sass.logError))
    .pipe(cssmin())
    .pipe(rename({
      // suffix: ".min"
    })))
    .pipe(gulp.dest('wwwroot/css/'));
});
```

Mục lục bài viết

[gulp.js trong ASP.NET Core](#)
[gulpfile.js - build SCSS](#)
[gulpfile.js - site.scss -> css](#)
[ĐĂNG KÝ KÊNH, XEM CÁC VIDEO TRÊN XUANTHULAB](#)



XuanThuLab

YouTube

Đăng ký nhận bài viết mới

Địa chỉ email

Đăng ký

Thích 3

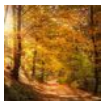
Chia sẻ



0 bình luận

Sắp xếp theo

Mới nhất



Viết bình luận...

Plugin bình luận trên Facebook

[Lớp Uri Dns Ping và các lớp về Networking trong lập trình C#](#)
[NET Core Code C# chuyển số thành chữ](#)
[\(ASP.NET Razor\) Chứng thực quyền của User theo RoleClaim](#)
[\(ASP.NET Razor\) Các trang quản lý tài khoản cá nhân trong Identity](#)
[\(ASP.NET Razor\) Sử dụng Partial Page Partial View để chia nhỏ layout trang Razor](#)
[Partial](#)

[Type và Nested Type phân code thành nhiều file và lớp lồng nhau trong C# C Sharp Namespace trong C# C Sharp .Net Core](#)

[\(ASP.NET CORE\) Gửi Mail](#) (Bài trước)

(Bài tiếp) [\(ASP.NET CORE\) LibMan](#)

[Giới thiệu](#)[Privacy](#)[Tủ điển Anh - Việt](#)[Chạy SQLRegExpCubic-bezier](#)[Unix timestamp](#)[Ký tự HTML](#)[calories, chỉ số BMR](#)[chỉ số khối cơ thể BMI](#)[Tạo QR Code](#)[Lịch vạn niên](#)[Liên hệ](#) [RSS](#)

Đây là blog cá nhân, tôi ghi chép và chia sẻ những gì tôi học được ở đây về kiến thức lập trình PHP, Java, JavaScript, Android, C# ... và các kiến thức công nghệ khác

Developed by [XuanThuLab](#)

